

DAY-HOC KỸ NĂNG VIẾT TẠI KHOA TIẾNG PHÁP, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-ĐẠI HỌC HUẾ : THỰC TẾ VÀ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Hồ Thủy An

Đề tài nghiên cứu này làm rõ thực tế dạy và học môn Viết tại khoa Tiếng Pháp, trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Huế đồng thời đưa ra những kiến nghị có tính chất tham khảo cho việc dạy và học kỹ năng Viết, nhất là trong bối cảnh hiện nay (CECR, công nghệ số).

This paper reports about the state of teaching and learning writing skills in French at the Department of French, College of Foreign Languages-University of Hue. It also provides some didactic proposals for teaching and learning writing skills, especially in the current context (CEFR, digital technologies).

I. Đặt vấn đề

Trong hệ thống thuật ngữ giáo học pháp, viết được hiểu là quá trình người viết sử dụng ký hiệu ngôn ngữ để chuyển tải thông điệp giao tiếp; sản phẩm viết thường phản ánh tính cách người viết, quan hệ giữa người viết và người đọc, thời gian, địa điểm văn bản được viết ra, v.v. Viết là một quá trình phức tạp đòi hỏi ở người viết không chỉ kiến thức về ngôn ngữ mà cả kiến thức về văn bản, về chủ đề,... Viết tiếng mẹ đẻ đã khó, viết bằng ngoại ngữ lại càng khó hơn bởi so với người viết bằng tiếng mẹ đẻ, người viết bằng ngoại ngữ thường phải đầu tư nhiều thời gian, công sức hơn.

Dạy viết, học viết trong dạy-học ngoại ngữ là giúp người học hình thành kỹ năng viết, tức khả năng sử dụng ngoại ngữ dưới dạng ký hiệu để chuyển tải thông điệp giao tiếp. Môn Viết đóng vai trò rất quan trọng. Đây là một trong bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) mà người học ngoại ngữ cần nắm bắt.

Tại khoa Tiếng Pháp, trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Huế, Viết là một trong những môn Thực hành tiếng bắt buộc của ngành Tiếng Pháp, có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng viết tiếng Pháp để làm nền cho sinh viên tiếp tục theo học và học tốt khối kiến thức chuyên ngành song song với quá trình học kỹ năng này và về sau.

Thực tế cho thấy sinh viên thường gặp nhiều khó khăn trong việc học và giáo viên thường gặp một số khó khăn trong cách dạy để sinh viên có thể viết được, viết tốt bằng ngoại ngữ. Tuy nhiên, ngoài một số bài báo khoa học về lĩnh vực Viết, hiện vẫn chưa có một đề tài nghiên cứu một cách đầy đủ, hệ thống về tình hình dạy-học môn Viết tại khoa Tiếng Pháp, trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Huế. Do vậy, đề tài **“Dạy-học kỹ năng Viết tại khoa Tiếng Pháp, trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học**

Huế: thực tế và giải pháp đề xuất” đã được nghiên cứu với câu hỏi đặt ra là : « *Môn Viết được giảng dạy và học tập tại khoa Tiếng Pháp, trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Huế như thế nào ?* ».

II. Dạy và học môn Viết tại khoa Tiếng Pháp, trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Huế

Tại khoa Tiếng Pháp, trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Huế, Viết là một trong bảy môn học thuộc khối kiến thức Thực hành Tiếng. Cùng với Nghe, Nói, Đọc, Viết được giảng dạy liên tục từ học kỳ 1 đến học kỳ 5 (từ năm thứ nhất đến hết học kỳ 1 năm thứ ba) nhằm củng cố và từng bước nâng dần trình độ của sinh viên từ A2 (đầu vào) lên C1 (đầu ra) theo chuẩn trình độ quốc tế với thời lượng nhiều thứ hai (19%) sau các học phần Nghe và các học phần Nói (23%). Từ học kỳ 1 đến học kỳ 4, đó là các học phần Viết I, II, III, IV; mỗi học phần chiếm 2 tín chỉ. Ở học kỳ 5, hai kỹ năng Đọc và Viết được giảng dạy chung với nhau qua học phần Đọc-Viết V, chiếm 2 tín chỉ.

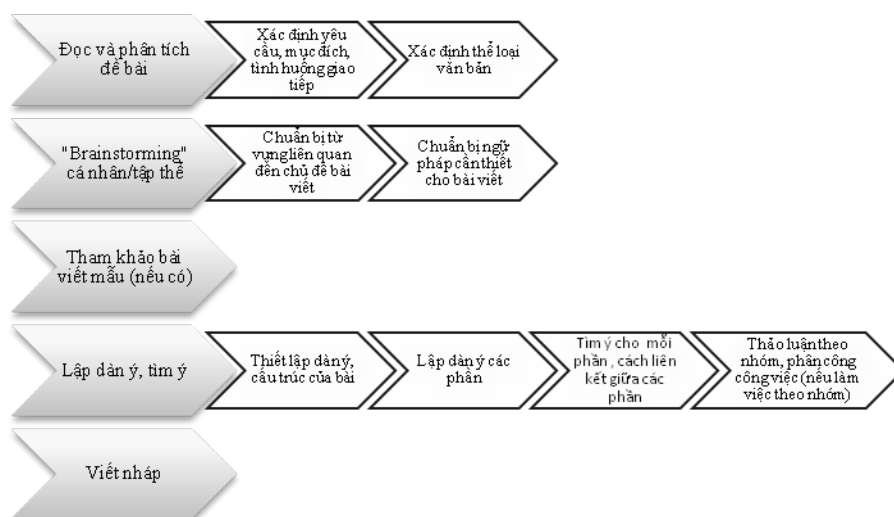
Để thu thập thông tin, phiếu điều tra đã được gửi cho toàn bộ giáo viên khoa Tiếng Pháp (thư điện tử và phiếu điều tra giấy) và toàn bộ sinh viên năm thứ hai, thứ tư khoa Tiếng Pháp (phiếu điều tra giấy). Tổng số phiếu thu vào là 12 đối với giáo viên (đạt 60%) và 40 đối với sinh viên (đạt 71,43%). Phần trả lời của những người tham gia nghiên cứu được tổng hợp theo từng câu hỏi (22 cho giáo viên, 17 cho sinh viên) và phân tích theo các điểm : chân dung đối tượng tham gia nghiên cứu ; vị trí của môn Viết ; khả năng viết tiếng Pháp của sinh viên ; thuận lợi và khó khăn khi dạy và học kỹ năng Viết ; phương pháp dạy và học môn Viết ; phương pháp đánh giá môn Viết, tương quan giữa giảng dạy và đánh giá ; đánh giá của giáo viên về việc dạy và học môn Viết ; đề nghị của sinh viên với giáo viên giảng dạy môn Viết.

Những giáo viên được tham khảo ý kiến đánh giá Viết là môn Thực hành tiếng quan trọng nhất (cùng với Nghe, Đọc) ; khó thứ hai sau Nghe ; đứng thứ ba (sau Nghe, Nói) về thời gian dành cho môn học, đặc biệt, « *dạy môn Viết mất nhiều thời gian nhất vì phải chấm sửa bài tập sinh viên viết* ». Ngược lại, đối với sinh viên, Viết là môn Thực hành tiếng quan trọng thứ tư (sau Nói, Nghe, Ngữ pháp) ; đứng thứ hai về độ khó (sau Nghe) và là môn sinh viên dành thời gian học đứng thứ ba sau Nghe và Ngữ pháp.

Về khả năng viết tiếng Pháp của sinh viên, tuyệt đại đa số giáo viên đánh giá khả năng viết tiếng Pháp của sinh viên chỉ ở mức trung bình và yếu : 50% giáo viên đánh giá yếu ; 33% giáo viên đánh giá trung bình. Bản thân sinh viên cũng đánh giá như vậy : 75% sinh viên tự đánh giá trung bình ; 7,5% tự nhận ở mức yếu ; 2,5% ở mức kém ; 2,5% ở mức trung bình và yếu.

Khi dạy và học kỹ năng Viết, đa số giáo viên (60%) và sinh viên (77,5%) gặp nhiều khó khăn hơn là thuận lợi. Đối với giáo viên, đó là những khó khăn liên quan đến trình độ ngôn ngữ (« yếu về ngữ pháp tiếng Pháp », « vốn từ vựng còn hạn chế », « viết theo văn phong tiếng Việt »), phi ngôn ngữ (« ý tưởng nghèo nàn khi viết ở lớp ») cũng như ý thức (« sinh viên lười viết, chỉ thích viết ở nhà, không muốn viết ở lớp ») của sinh viên. Ngoài ra, trình độ đầu vào thấp và không đồng đều của sinh viên cũng gây trở ngại cho quá trình giảng dạy của giáo viên. Thêm nữa, do đặc thù của bộ môn này, vài giáo viên nhận thấy bản thân gặp khó khăn do có ít thời gian để sửa bài cho người học. Đối với sinh viên, đó là khó khăn do thiếu từ vựng (41,54%), không nắm chắc các cấu trúc ngữ pháp (23,08%), không có nhiều ý tưởng để viết (23,08%). Tuy nhiên, giáo viên và sinh viên cũng gặp một số thuận lợi trong quá trình dạy và học môn Viết : phương tiện dạy học mới (giáo viên) ; có ý tưởng để viết, nắm chắc ngữ pháp, nắm cách viết (sinh viên).

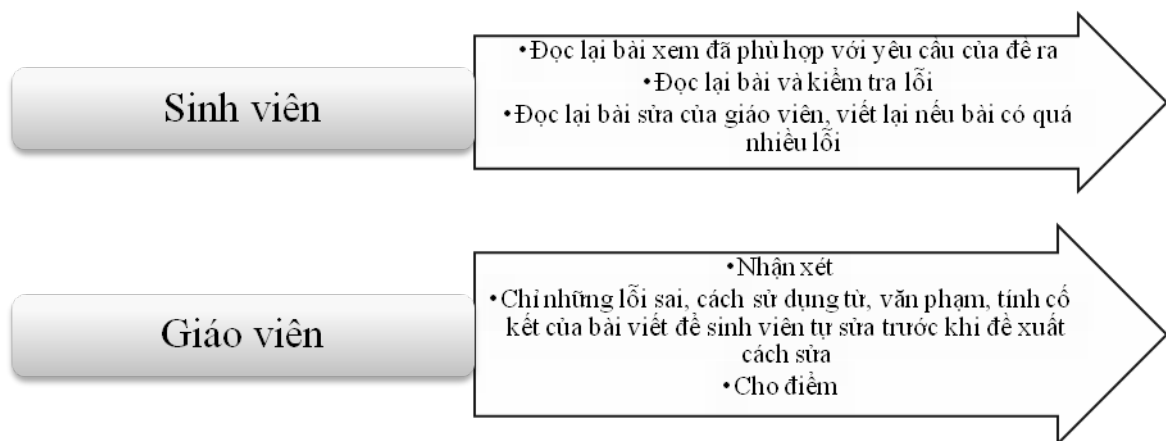
Trong quá trình giảng dạy, đa số giáo viên luôn luôn giới thiệu chương trình học, trình độ cần đạt, phương thức kiểm tra trước khi bắt đầu chương trình học (70%) ; hướng dẫn người học các thủ thuật viết (đọc đề, tìm ý, lập dàn bài, liên kết ý,...) (70%) ; khuyến khích người học sáng tạo khi làm bài (50%) ; khuyến khích người học đọc báo, đọc các bài viết tiếng Pháp để học từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, lấy ý cho các bài viết (50%). Dưới đây là các hướng dẫn của giáo viên trước, trong và sau khi sinh viên viết :



Hình 1 : Các hướng dẫn của giáo viên trước khi sinh viên viết

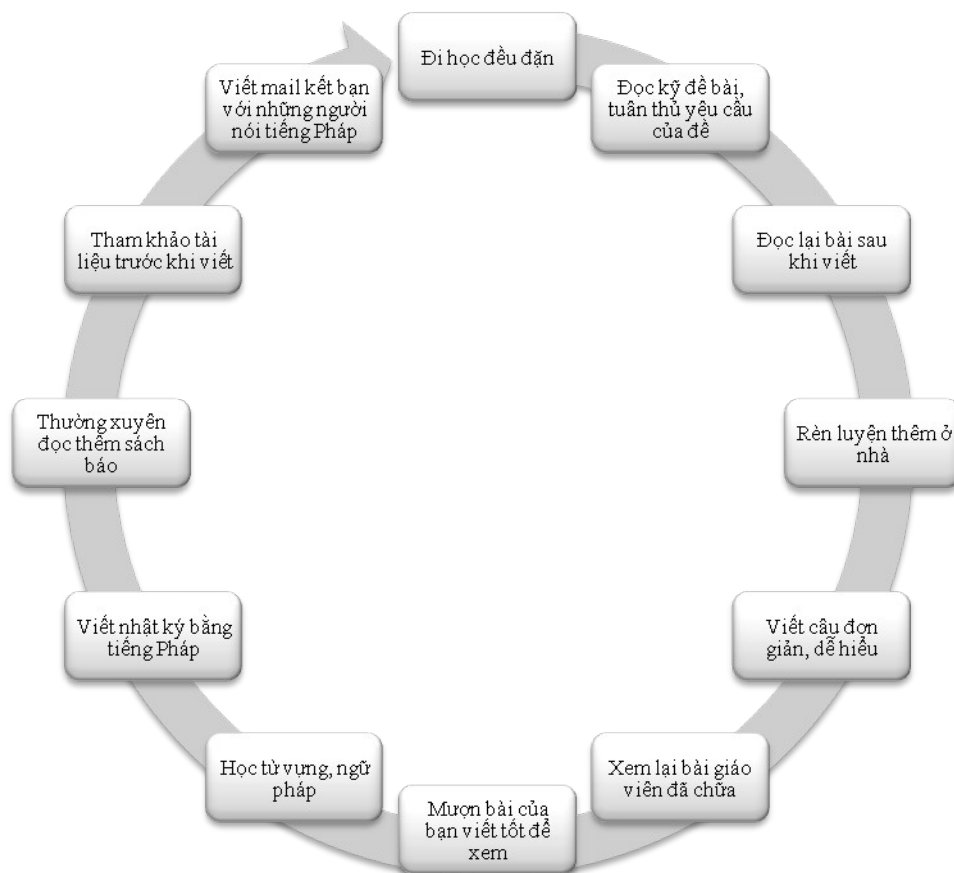
Tôn trọng yêu cầu của đề bài	Tránh	Chú ý
<ul style="list-style-type: none"> •Độ dài •Các ý cần viết 	<ul style="list-style-type: none"> •Lạc đề •Lập ý, từ 	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng từ ngữ chính xác, phong phú • Sử dụng đúng văn phạm liên quan • Sử dụng đúng từ nối • Sử dụng từ điển để kiểm tra nếu không chắc chắn • Vận dụng những yếu tố mới vừa học • Viết ngắn gọn, súc tích

Hình 2 : Các hướng dẫn của giáo viên khi sinh viên viết



Hình 3 : Các hướng dẫn của giáo viên sau khi sinh viên viết

Về phần sinh viên, các bạn cũng khá nghiêm túc, chăm chỉ : 62,5% luôn luôn theo học các giờ viết trên lớp ; 45% luôn luôn tuân theo các hướng dẫn của giáo viên ; 27,5% luôn luôn làm các bài tập giáo viên giao. Ngoài ra, các bạn còn xem lại và rút kinh nghiệm từ bài đã chữa (25% luôn luôn thực hiện), viết lại bài đã chữa (22,5% luôn luôn thực hiện), mượn bài của bạn viết tốt để xem (12,5% luôn luôn thực hiện), sáng tạo khi làm bài (10% luôn luôn thực hiện). Tuy nhiên, đối với những thói quen mang tính chất tự học, vượt ra ngoài khuôn khổ các giờ học trên lớp, hầu hết các bạn không mấy thực hiện : chỉ 7,5% thường xuyên đọc báo, đọc các bài viết tiếng Pháp và 37,5% thỉnh thoảng viết nhật ký hoặc blog bằng tiếng Pháp. Các bạn cũng đã chia sẻ phương pháp học tập của bản thân như sơ đồ dưới đây :



Hình 4 : Chia sẻ của sinh viên về phương pháp học tập môn Viết

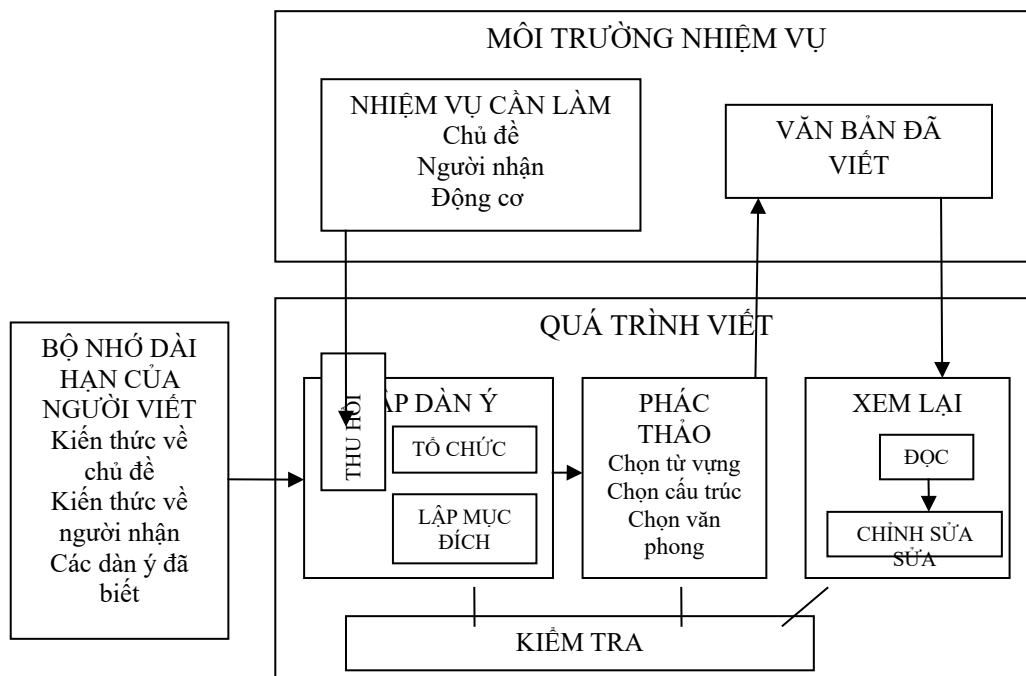
Về đánh giá kỹ năng này, trong một học kỳ, tính cả bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, đa số giáo viên (40%) cho sinh viên làm khoảng 7-9 bài viết ; hầu hết (80%) đánh giá tất cả các bài viết cho sinh viên làm : 30% tính trung bình cộng tất cả các bài viết của sinh viên, 40% tính điểm cộng vào bài kiểm tra giữa kỳ cho các bài viết tốt, 10% « khuyến khích sinh viên viết bằng cách chọn các điểm cao nhất (...) chứ không chọn điểm kiểm tra giữa kỳ ». Ngoài những bài kiểm tra, bài thi bắt buộc phải chấm điểm, 80% giáo viên cho điểm, nhận xét, chữa lỗi bài viết của sinh viên ; đa số (75%) nhận xét công khai bài viết của sinh viên : 50% không nêu tên người viết ; 25% có nêu tên người viết. Các bạn sinh viên tham gia điều tra cũng cho biết đa số giáo viên nhận xét bài công khai trước lớp và không nêu tên sinh viên (40,43%) ; ngoài ra, cũng có giáo viên nhận xét công khai và nêu tên sinh viên (31,91%), nhận xét riêng cho từng sinh viên bằng cách nói riêng hoặc viết lên bài (23,40%). Đa số giáo viên thường nhận xét về các ý trong bài viết, cấu trúc ngữ pháp, từ người học sử dụng, cách người học liên kết các ý (17,31%) ; về hình thức bài viết và cách trình bày vấn đề, sắp xếp các ý (13,47%). Khi chữa bài cho sinh viên, đa số chỉ ra những điểm tích cực (33,34%), một số chỉ ra lỗi sai nhưng không chữa (13,33%), chỉ ra các lỗi sai và chữa một phần (13,33%), chỉ ra và chữa tất cả các lỗi sai (20%), một vài giáo viên nêu ra cách làm

khác (20%). Theo đó, hoặc giáo viên chọn những lỗi cơ bản, hay mắc phải của sinh viên để sửa tập thể, gạch những lỗi sai nhưng không sửa để sinh viên tự sửa, chỉ ra những điểm tốt, ý hay để sinh viên khác học tập ; hoặc giáo viên chỉ ra các lỗi sai, để sinh viên tự sửa rồi sửa lại trước lớp ; hoặc giáo viên chỉ ra những lỗi sai chung và cho sinh viên tự sửa rồi giáo viên mới chữa. Tiêu chí đánh giá bài viết hàng đầu của đa số giáo viên là đúng với yêu cầu của đề bài (62,5%) rồi mới đến cách trình bày vấn đề, tính liên kết, mạch lạc ; ngữ pháp, từ vựng, chính tả đứng ở vị trí cuối cùng. Các tiêu chí này thường được giáo viên phổ biến cho sinh viên, hoặc trước khi sinh viên làm bài (77,78%), hoặc khi trả bài (11,11%), hoặc ngay từ đầu năm học (11,11%). Đa số giáo viên xây dựng đề kiểm tra từ những bài tập trong giáo trình (38,1%), tiếp đến là cách xây dựng đề kiểm tra từ những bài tập trong các giáo trình khác (33,33%), ra đề riêng (14,29%), ra đề từ những đề kiểm tra trong sách giáo viên (9,52%), từ các đề kiểm tra các năm trước (4,76%). Phần lớn giáo viên (40%) và sinh viên (50%) đồng ý kết quả kiểm tra phản ánh năng lực, sự tiến bộ của người học nên đa số (80%) điều chỉnh nội dung dạy và học theo kết quả các bài viết của sinh viên « để sinh viên dễ tiếp cận bài mới » và vì dạy học « cần tính đến (1) trình độ của người học (2) tính thời sự ».

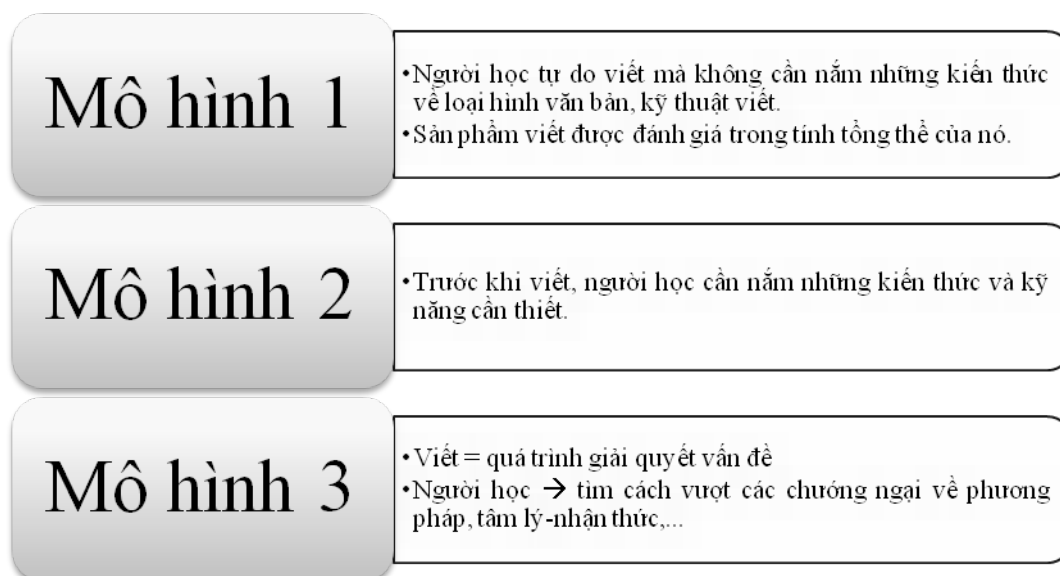
Về việc dạy và học môn Viết tại khoa Tiếng Pháp, mặc dù nhận thấy nội dung « tốt », « phù hợp », gần như toàn bộ giáo viên (91,67%) nhận thấy thời lượng không đủ : ít (75%), quá ít (8,34%) và đề nghị « nên tăng thêm thời gian học môn Viết, đặc biệt ở các năm 1 và 2 », dành cho kỹ năng này khoảng 12 tín chỉ.

III. Một số đề xuất có tính tham khảo về phương pháp dạy và học môn Viết

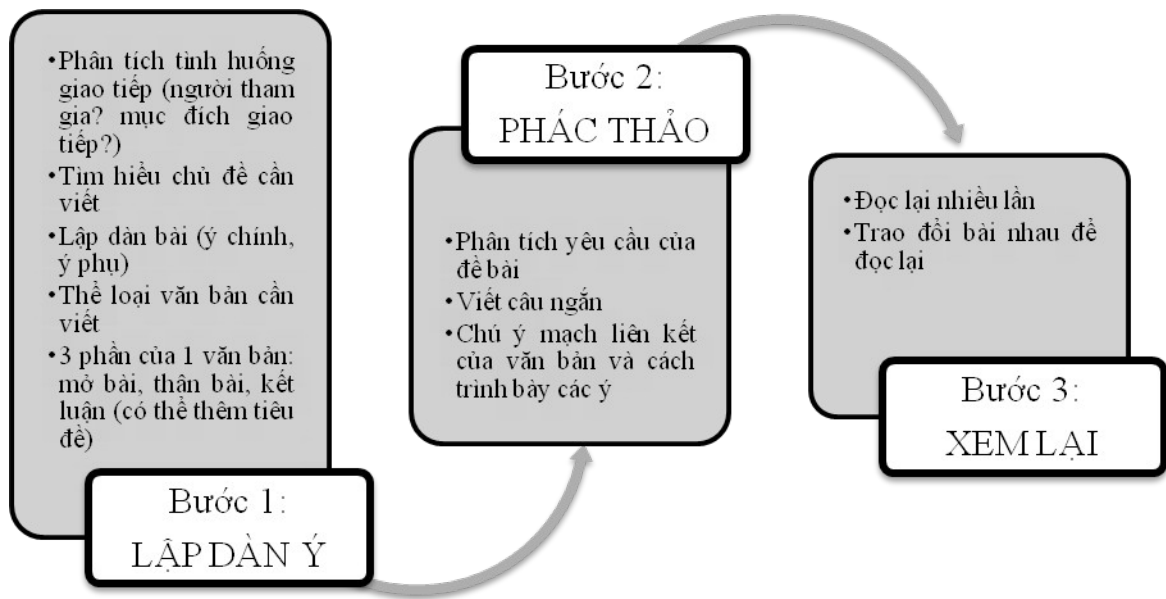
Theo Hayes và Flower (1990), quá trình viết diễn ra theo mô hình dưới đây. Người viết tốt thường đi theo mô hình này. Do đó, trong quá trình dạy và học môn Viết nên hướng người học đi theo mô hình Hayes và Flower (*hình 5*) bằng cách áp dụng ba mô hình giảng dạy kỹ năng Viết mà Plane (1996) đã đề xuất (*hình 6*). Đồng thời, hướng dẫn người học những việc cần làm trong quá trình viết (*hình 7*).



Hình 5 : Quá trình viết theo mô hình của Hayes và Flower (1980) (Vigner, 2012 : 19)

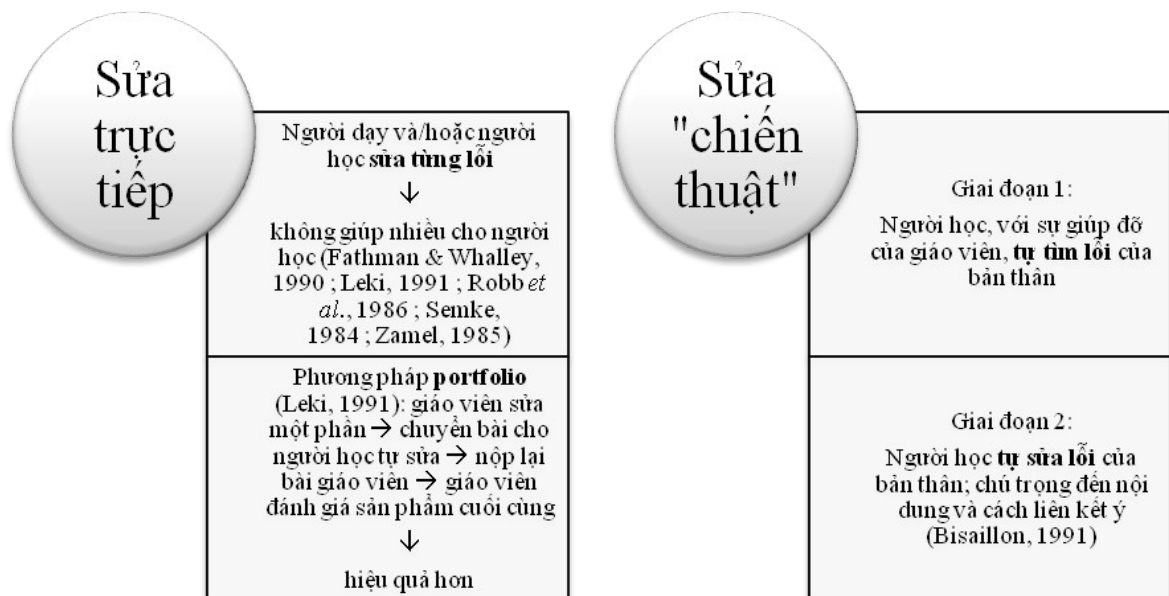


Hình 6 : Ba mô hình giảng dạy kỹ năng viết (Plane, 1996 trích trong Schaeffer-Lacroix, 2009 : 100)



Hình 7 : Những việc cần làm trong quá trình viết (trích trong Cornaire & Raymond, 1994 : 93-123)

Trong quá trình sửa lỗi, không nên sửa từng lỗi mà nên áp dụng phương pháp portfolio hoặc cách sửa « chiến thuật » để đạt hiệu quả hơn (hình 8).



Hình 8 : Phương pháp sửa bài viết của người học (trích trong Cornaire & Raymond, 1994 : 86-90)

IV. Kết luận

Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đã và đang hội nhập sâu vào thế giới, đề án ngoại ngữ 2020 ra đời và đặt ra nhiều cách làm mới trong giảng dạy ngoại ngữ. Trên tinh thần đó, không thể tách rời việc dạy và học kỹ năng Viết tiếng Pháp nói riêng và ngoại ngữ nói chung với Khung tham chiếu Châu Âu (CECR). So sánh giữa nội dung dạy và học môn Viết tại khoa Tiếng Pháp và các quy định của CECR, có thể nhận thấy một số điểm trùng khớp. Tuy nhiên, khá nhiều nội dung mà CECR quy định không được giảng dạy tại khoa Tiếng Pháp.

Ngoài ra, cùng với máy tính, Internet, thói quen viết của con người có phần thay đổi ; đã và đang hình thành những phương thức dạy và học kỹ năng viết mới : học viết cùng với máy tính, mạng xã hội.... Những nhân tố này mở ra cả triển vọng và thách thức cho việc dạy và học kỹ năng viết cũng như ngoại ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Audras, I. & Ganascia, J.-G. (2005). *Analyses comparatives de productions écrites d'apprenants de français et de locuteurs francophones, à l'aide d'outils d'extraction automatique du langage, Apprentissage des Langues et Systèmes d'Information et de Communication (Alsic)*, 8 (1). pp 81-94. [<http://alsic.revues.org/index329.html>]
- [2] Conseil de l'Europe (2001). *Cadre européen commun de référence pour les langues (CECR)*. Paris : Didier
- [3] Cornaire, C.-M. & Raymond, P.-M. (1994). *Le point sur la production écrite en didactique des langues*. Canada : CEC
- [4] Cuq, J.-P. (dir.) (2003). *Dictionnaire de didactique du français langue étrangère et seconde*. Paris : CLE international
- [5] Garcia-Debanc, C. (2012). Les recherches sur l'enseignement de l'écriture en didactique du français langue première de 1980 à aujourd'hui : acquis et nouvelles problématiques in Bouchard, R. & Kadi, L. (coord.), *Didactiques de l'écrit et nouvelles pratiques d'écriture – Le français dans le monde. Recherches et applications*, 51. Paris : CLE International. pp 118-130
- [6] Mangenot, F. (2012). Ecrire avec l'ordinateur : du traitement de texte au web social in Bouchard, R. & Kadi, L. (coord.), *Didactiques de l'écrit et nouvelles pratiques d'écriture – Le français dans le monde. Recherches et applications*, 51. Paris : CLE International. pp 107-116
- [7] Morandi, F. & La Borderie, R. (2006). *Dictionnaire de pédagogie*. Paris : Nathan
- [8] Robert, J.-P. (2002). *Dictionnaire pratique de didactique du FLE*. Paris : Ophrys

- [9] Schaeffer-Lacroix, E. (2009). *Corpus numériques et production écrite en langue étrangère – Une recherche avec des apprenants d'allemand*. (Luận văn Tiến sĩ ngành Khoa học ngôn ngữ). Paris : Trường Đại học Paris III – Sorbonne nouvelle. [<http://tel.archives-ouvertes.fr/tel-00439095/fr/>]
- [10] Trương, T. D. (2004). *Thực hành viết tiếng Pháp ở sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ ba khoa Pháp, trường Đại học Sư phạm Huế - Thực trạng và giải pháp*. (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường). Huế : Trường Đại học Sư phạm Huế
- [11] Vigner, G. (2012). Ecrire en FLE : quel enseignement pour quel apprentissage in Bouchard, R. & Kadi, L. (coord.), *Didactiques de l'écrit et nouvelles pratiques d'écriture – Le français dans le monde. Recherches et applications*, 51. Paris : CLE International. pp 16-33

Hồ Thủy An sinh năm 1985 tại Huế, tốt nghiệp Cử nhân Sư phạm tiếng Pháp năm 2007 tại trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Huế, tốt nghiệp bằng Biên dịch cao cấp năm 2009 tại Trung tâm Đào tạo Biên-Phiên dịch Việt-Pháp (C.F.I.T) thuộc Học viện Ngoại giao Việt Nam, tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Khoa học Ngôn ngữ, chuyên ngành Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa – tiếng Pháp là ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ thứ hai năm 2010 tại Đại học Blaise Pascal – Clermont-Ferrand II, Pháp. Chuyên ngành nghiên cứu: phương pháp giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa Pháp, biên-phiên dịch Pháp-Việt.

Nơi công tác : Khoa Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế

Email: ho.thuyan@gmail.com